

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 154/2020/DS-PT

Ngày 18/12/2020

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoài Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lương

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị
Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 18 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân
thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLPT-DS
ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án sơ thẩm số 245/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân
dân huyện Cờ Đỏ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2020/QĐ-PT ngày
02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện C, TP.Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Công N (có mặt)

Địa chỉ: Số 62, đường số 20, khu vực 4, phường A, quận N, TP. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Đặng Văn D**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện C, TP.Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

2. Anh Nguyễn Tấn A, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện C, TP.Cần Thơ.

3. Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986

4. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1960

5. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện C, TP.Cần Thơ.

6. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ ấp T, xã TT, huyện C, TP. Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền cho anh T, chị L, anh A, bà C, bà N, bà H: Ông Đặng Văn U, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện C, TP.Cần Thơ.

7. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962. (có mặt)

8. Anh Đặng Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

9. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1985 (có mặt)

10. Anh Đặng Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

11. Anh Đặng Văn L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

12. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1994 (vắng mặt)

13. Chị Hồ Thị N, sinh năm 1995. (vắng mặt)

14. Ông Phạm Minh S, sinh năm 1969

15. Bà Đặng Thị Bích N, sinh năm 1972 (có mặt)

16. Anh Phạm Minh L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của anh L: Ông Phạm Minh S (có mặt)

17. Ông Đặng Văn L, sinh năm 1970 (có mặt)

18. Ông Đặng Văn U, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TH, huyện C, TP.Cần Thơ.

19. Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Ấp T, thị trấn CĐ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 122, tờ bản đồ 08, diện tích 1.039m² là do cha mẹ bà là ông Đặng Văn L (chết), bà Võ Thị Đ (chết 2018) tặng cho bà. Thửa 120 của cha bà do em bà là ông Đặng Văn U quản lý sử dụng, thửa 121 cha mẹ tặng cho em bà

là ông Đặng Văn D, cha mẹ tặng cho bà năm 1990 và bà đứng tên giấy chứng nhận ruộng đất (giấy trắng), đến năm 1997 bà cấp đổi lần 02 thửa 122, diện tích 1.039m². Năm 2008, phía ông D khởi kiện tranh chấp đất với bà thửa 122 tại Tòa án nhân dân huyện V nhưng Tòa án bác đơn kiện của ông D nên ông D kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D rút đơn kháng cáo, rút đơn khởi kiện và Tòa án hủy, đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi, ông D rút đơn năm 2008 thì phía ông D bao chiếm phần đất phía sau theo đo đạc thực tế diện tích 276,4m² (phần B theo hồ sơ trích đo địa chính), còn phần diện tích đất 574,6m² phía trước (A) thì bà có cho em ruột là Đặng Thị Bích N và Phạm Minh S cất nhà cho ở nhờ, sau đó vợ chồng em ruột bà sửa chữa nhà thì phía ông D đứng ra cản trở không cho sử dụng đất. Bà thống nhất với kết quả đo đạc thực tế theo bản trích đo địa chính số: 111/TTKTTNMT ngày 29/8/2018 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ, theo đó phần đất thửa 122 diện tích là 851m² (trong đó có 574,6m² do bà sử dụng, 276,4m² do ông D sử dụng) còn thiếu 188m². Đối với phần đất (1) diện tích 310,5m² có dính nhà của ông D phía ông D cho rằng thuộc thửa 120 do ông Đặng Văn U quản lý sử dụng là không đúng vì phần đất này ông D sử dụng từ trước cho đến nay, ranh giới thửa 120 và thửa 121 của ông D cũng đã ổn định, phía sau có trụ đá, phía trước có hàng rào ranh, ông D khai thuộc thửa 120 để phần đất thửa 121 của ông ít đi để đòi thửa 122 của bà là không đúng thực tế sử dụng đất, phần đất này thuộc thửa 121 do ông D đứng tên QSD đất. Đối với thửa đất 122 của ông D cấp đổi vào năm 2001 thì có đo đạc thực tế và bà có ký tứ cận giáp ranh với thửa đất 121 của ông D. Thửa 122 của bà và thửa 121 của ông D đã rõ, tuy nhiên phía ông D cho rằng đất bà không có, cấp trùm qua thửa 121 của ông nên tranh chấp là không đúng.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông D trả lại phần đất bao chiếm diện tích 276,4m² và công nhận toàn bộ thửa 122 theo đo đạc thực tế 851m² cho bà, đất thuộc thửa 122, tờ bản đồ 08, đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ. Đồng thời, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Văn D trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 121 do cha mẹ là ông Đặng Văn L (chết), bà Võ Thị Đ (chết 2018) tặng cho ông. Năm 1990, ông được cấp giấy chứng nhận ruộng đất (giấy trắng) diện tích 946m², năm 2001 ông cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất diện tích 946m², thửa 121, tờ bản đồ 08. Đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, TP. Cần Thơ. Thời điểm cấp đổi có đo đạc thực tế hay không thì ông không nhớ rõ.

Ông thống nhất quá trình tranh chấp đất từ năm 2008 như nguyên đơn đã trình bày. Trong quá trình sử dụng đất, bà Đặng Thị L (chị của ông) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 122 giáp với đất của ông, nhưng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L là không đúng, toàn bộ diện tích đất tại thửa 122 của bà L hoàn toàn thuộc thửa 121 của ông. Ông thống nhất theo kết quả đo đạc lần 3 ngày 29/8/2018, theo đó thực tế ông sử dụng phần diện tích 276,4m² từ năm 2008 cho đến nay, phần diện tích 574,6m² do bà L thực tế sử dụng, thống nhất diện tích ông sử dụng tại thửa 121, tại thửa 121 có phần diện tích 310,5m² (1) ông sử dụng từ năm 1985 cho đến nay, trên đất một căn nhà, phần đất này ông cho rằng thuộc thửa 120 do ông U quản lý sử dụng, ranh thửa 121 của ông với thửa 120 phía sau có trụ đá ranh, phía trước có hàng rào nhưng ranh chưa đúng. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu thay đổi yêu cầu phản tố cụ thể:

- Yêu cầu bà L trả lại quyền sử dụng đất cạnh giáp với lộ 921 đủ 20m, cạnh giáp với kênh Chiến Lược đủ 16,5m theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000167 cấp ngày 26/7/1997 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp cho hộ bà Đặng Thị L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có ý kiến như sau:

- Ông Phạm Minh S, bà Đặng Thị Bích N thống nhất như trình của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị K, anh Đặng Văn C, anh Đặng Văn L, anh Đặng Văn N, anh Đặng Văn L, anh Đặng Văn C, chị Hồ Thị N và ông Đặng Văn L thống nhất trình bày của bị đơn ông D, không bổ sung gì thêm.

- Ông Đặng Văn U trình bày: Ông Đặng Văn L được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất tại thửa 120 với diện tích 2.145m². Nay ông L chết, ông là người quản lý sử dụng phần đất thửa 120. Theo thực tế đo đạc (theo kết bản trích đo địa chính số: 111/TTKTTNMT ngày 29/8/2018 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ) thì diện tích là 2.453,2m². Diện tích này đúng với thực tế sử dụng đất do ông quản lý sử dụng. Do đó, phần diện tích đất theo ông Đặng Văn D chỉ ranh là 310,5m² thuộc thửa 120 là không đúng, diện tích đất 310,5m² không thuộc thửa 120 mà thuộc thửa 121 của ông D sử dụng. Bởi lẽ, ông D thực tế sử dụng phần đất này từ năm 1985 cho đến nay, hơn nữa ranh đất giữa

thửa 120, 121 đã ổn định phía sau có trụ đá, phía trước có hàng rào ranh, hai bên đã cất nhà kiên cố sát nhau, việc ông D khai diện tích 310,5m² thuộc thửa 120 để diện tích thửa 121 thiếu nhằm tranh chấp đất với bà L là không đúng. Nay ông có ý kiến là diện tích đất 851m² là của bà L, chứ không phải của ông D.

Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ ý kiến như sau:

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 120, thửa 121, thửa 122 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Qua các lần cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đo đạc xác định diện tích trừ đường tỉnh lộ 921 không đo đạc thực tế hết diện tích các thửa đất nêu trên. Do đó, có sự chênh lệch diện tích các thửa đất qua các lần cấp đổi giấy chứng nhận.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với bị đơn ông Đặng Văn D. Buộc ông D trả lại phần đất bao chiếm diện tích 276,4m² thuộc một phần thửa 122 và công nhận quyền sử dụng đất thửa đất 122, tờ bản đồ 08, diện tích 851m² cho bà Đặng Thị L, đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ. Bà L có trách nhiệm trả cho ông D giá trị cây trồng trên đất là 2.960.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn D về việc yêu cầu bà Đặng Thị L trả lại phần đất ngang giáp tỉnh lộ 921 đủ 20m, ngang phía sau giáp kênh Chiến Lược đủ 16,5m cho đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông được cấp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000167 cấp ngày 26/7/1997 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp cho hộ bà Đặng Thị L.

Phần đất buộc ông D trả lại cho L và phần đất công nhận quyền sử dụng đất cho bà L theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 29/8/2018. Đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm, cũng như quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 26/11/2019 bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ buộc bà L trả lại phần diện tích ngang 13m42, dài hết thửa của bà Đặng Thị L và ngang sau 3m30 cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo bị đơn. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng theo khoản 2 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đúng quy định, đã đóng đủ tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét và giải quyết.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn D, ông D cho rằng bà L đã chiếm dụng của ông toàn bộ diện tích thửa đất 122 nên buộc hủy giấy chứng nhận thửa đất số 122 do bà L đứng tên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 120, 121, 122 là của cha ông Đặng Văn L (chết) và mẹ là bà Võ Thị Đ (chết); cho lại ông D thửa 121, bà L thửa 122, còn lại thửa 120 ông L đang đứng tên nhưng ông U là người quản lý sử dụng. Ông D, bà L, ông U đều là các con ruột của ông L, bà Đ, không ai là con nuôi, con riêng và không ai trong các anh chị em là người tạo lập ra thêm trong phần đất này.

[3] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 122 do bà L đứng tên thấy rằng, bà L được cha, mẹ tặng cho thửa đất số 122 và bà cũng đã đăng ký giấy chứng nhận ruộng đất ngày 29/8/1990 (giấy trắng) đến năm 1997 bà L được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000167 cấp ngày 26/7/1997 do UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp tại thửa 122, tờ bản đồ 08, diện tích 1.039m², đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ, thời điểm đó không ai tranh chấp về việc cấp giấy đất cho bà L. Bên cạnh đó, ông D cho rằng cha ông không cho đất bà L, việc cấp giấy của bà L là không đúng quy định, bà L có dấu hiệu làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo Bảng xác nhận hồ sơ địa chính (BL 66-70) của Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ cung cấp thì thực tế năm 1990 bà L đã được cấp giấy chứng nhận như nêu trên và có đơn xin cấp đổi giấy năm 1997, tất cả các giấy tờ này đều đúng theo mẫu biểu tại thời điểm cấp giấy. Hơn nữa, Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ đã có công văn số 2872/UBND-TNMT ngày 06/12/2018 Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 120, thửa 121, thửa 122 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật do đó bà L là chủ sử dụng hợp pháp được Nhà nước công nhận tại thửa 122, không có căn cứ cho rằng bà L đang sử dụng giấy giả, chiếm phần đất tại thửa 122 này của ông như ông D kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D có ý kiến đồng ý nhận sử dụng đối với phần đất diện tích 276,4m² (B) của thửa 122 còn lại phía trước của thửa 122 giao cho bà L sử dụng, bà L không đồng ý yêu cầu này của ông D.

[4] Suốt quá trình giải quyết vụ án ông D cho rằng việc lấn chiếm đất tại thửa 121 đều là do bà L lấn chiếm, nên buộc bà L phải trả đủ đất cho ông sao cho thửa 121 của ông ngang trước đủ 20m, ngang sau đủ 16,5m như thời điểm ông được cấp giấy năm 1990. Tuy nhiên, qua xem xét khách quan toàn bộ hồ sơ vụ án, Công văn trả lời của UBND huyện Cờ Đỏ nêu trên. Xác định, các lần cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đo đạc xác định diện tích trừ đường tỉnh lộ 921 không đo đạc thực tế hết diện tích các thửa đất nêu trên nên có sự chênh lệch. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990 của các đương sự đều ghi nhận trừ lộ giới 10m. Thửa đất của ông D có chiều ngang trước và ngang sau không bằng nhau. Như vậy, khi đo đạc điều chỉnh cấp giấy mới chiều ngang thửa đất không thể giữ nguyên 20m như thời điểm cấp giấy ban đầu năm 1990. Đồng thời, cũng như ông D thửa 122 của bà L đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 1990 có ngang trước 20m, ngang sau 12,5m, nhưng khi đo đạc

thực tế có chiều ngang trước 19.7m, ngang sau chỉ còn lại 4.0m, tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 1.039m², đo đạc thực tế diện tích 851m², chênh lệch thiếu 188m². Do đó, không có cơ sở để buộc bà L trả đất. Đối với phần cây trồng do khi ông D trồng bà L không ngăn cản nên khi giao lại phần đất bà L có nghĩa vụ trả lại giá trị phần cây trồng cho ông D như sơ thẩm tuyên là phù hợp.

[5] Đối với chênh lệch diện tích của các thửa đất, ông D cho rằng đất ông bị thiếu do bị lấn chiếm. Qua xem Bảng trích đo địa chính số 111/TTKTTNMT ngày 29/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ mà các đương sự thống nhất sử dụng. Giữa ông D và ông U không có sự thống nhất ranh, nhưng giữa ông D và bà L lại có sự thống nhất ranh. Ông D và ông U chỉ ranh khác nhau do đó có phần đất diện tích 310,5m² (phần 1) theo bảng trích đó, phần đất này ông D cho rằng thuộc một phần thửa đất số 120, ông U lại cho rằng phần đất này thuộc thửa 121 của ông D, có ranh giới rõ ràng, phía sau có trụ đá, phía trước có hàng rào ranh và các bên đã xây cất nhà kiên cố và sử dụng ổn định. Mặc dù, ông D chỉ ranh và cho rằng phần đất này là của thửa 120, nếu trừ phần này ra thì đất ông tại thửa 121 thiếu rất nhiều so với giấy chứng nhận, nhưng ông D lại thừa nhận ông sử dụng diện tích phần đất 310,5m² (phần 1) này và trên đất có cả phần nhà của ông. Bản án sơ thẩm xác định phần đất diện tích 310,5m² thuộc thửa đất số 121 do ông D đang thực tế sử dụng là có cơ sở, đúng với hình thể thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Do đó, nếu tính luôn phần đất 310,5m² (phần 1) và phần còn lại của thửa đất 121 diện tích 747,7m² thì thửa 121 theo đo đạc thực tế là $(747,7\text{m}^2 + 310,5\text{m}^2 = 1.058,2\text{m}^2)$ chênh lệch dư 112,2m² so với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 946m² của ông D.

[6] Từ những căn cứ nêu trên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn D về việc yêu cầu bà Đặng Thị L trả lại phần đất ngang giáp tỉnh lộ 921 đủ 20m, ngang phía sau giáp kênh chiến lược đủ 16,5m và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000167 cấp ngày 26/7/1997 do UBND huyện T (cũ) cấp cho hộ bà Đặng Thị L. Yêu cầu công nhận phần đất tại thửa 122 cho bà L là phù hợp với những chứng cứ khách quan trong quá trình giải quyết vụ án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại.

Căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn D. Giữ y Bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với bị đơn ông Đặng Văn D. Buộc ông D trả lại phần đất bao chiếm diện tích 276,4m² thuộc một phần thửa 122 và công nhận quyền sử dụng đất thửa đất 122, tờ bản đồ 08, diện tích 851m² cho bà Đặng Thị L, đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ. Bà L có trách nhiệm trả cho ông D giá trị cây trồng trên đất là 2.960.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn D về việc yêu cầu bà Đặng Thị L trả lại phần đất ngang giáp tỉnh lộ 921 đủ 20m, ngang phía sau giáp kênh Chiến Lược đủ 16,5m cho đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông được cấp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000167 cấp ngày 26/7/1997 do UBND huyện T (cũ) cấp cho hộ bà Đặng Thị L.

Phần đất buộc ông D trả lại cho L và phần đất công nhận quyền sử dụng đất cho bà L theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 29/8/2018. Đất tọa lạc ấp T, xã TH, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Văn D phải nộp 300.000đồng án phí, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 3.966.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 008415 ngày 12/8/2016. Ông D được nhận lại 3.666.000đồng án phí còn thừa. Bà Đặng Thị L được nhận lại 1.680.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008095 ngày 26/11/2015. Các đương sự nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Đặng Văn D phải chịu 18.266.600đồng. Ông D có trách nhiệm trả lại cho bà L 10.500.000đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn D phải nộp 300.000đồng án phí, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 012846 ngày 26/11/2019. Ông D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

* **Nơi nhận** :

- Dương sự;
- VKSNDTPCT;
- TAND Huyện C
- Cục THA DS Huyện C;
- Lưu (2b).

(Đã ký)

Trương Hoài Bình

